

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
V/v: Tuyên bố một người là đã chết**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán chủ trì phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

***Thư ký phiên họp:*** Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 329/2020/TLST-VDS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 21/2021/QĐST - VDS ngày 12 tháng 3 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 197/32 đường T, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 359/11 đường Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

***Người bị yêu cầu:***

1/ Bà Trần Thị Cúc, sinh năm 1944;

2/ Bà Trần Kim Hoa, sinh năm 1945;

3/ Bà Trần Kim Liên, sinh năm 1951;

Nơi cư trú cuối cùng: 197/32 đường T, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông Nguyễn Kim K, sinh năm 1957; Địa chỉ: 197/32 T, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

2/ Ông Trần Kim C, sinh năm 1955 – chết năm 2016.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Trần Kim C gồm: - Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 197/32 đường T, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Thanh Hải, Phan Thiết, Bình Thuận. (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

- Trần Quang H, sinh năm 1983; Địa chỉ: 197/32 đường T, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 28 tháng 9 năm 2020 và bản tự khai người yêu cầu ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Cha ông là ông Trần Văn T (sinh năm 1914 - chết năm 1989) và mẹ ông là bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1920 - chết năm 1994).

Cha mẹ ông sinh được 08 người con gồm:

- 1/ Trần Thị C, sinh năm 1944
- 2/ Trần Kim H, sinh năm 1945
- 3/ Trần Kim L, sinh năm 1951
- 4/ Trần Kim A, sinh năm 1948 - chết năm 1972
- 5/ Trần Kim C, sinh năm 1955 - chết năm 2016
- 6/ Nguyễn Kim K, sinh năm 1957
- 7/ Trần Kim T, sinh năm 1961- chết năm 1991
- 8/ Nguyễn Văn H, sinh năm 1965.

Gia đình ông T và bà B trước đây sinh sống tại địa chỉ 197/32 T, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. ( Địa chỉ cũ: Số 197/146G L, Khóm 31, Liên Gia 63, phường Cư Xá Đô Thành, Quận III, Sài Gòn)

Trước đây, vào khoảng những năm 1975 ông có nghe chị L nói là sẽ đi Mỹ và khoảng những năm 1980 ông có nghe chị C, chị H nói là sẽ đi vượt biên qua nước ngoài sinh sống. Tuy nhiên việc các chị có đi hay không và có vượt biên thành công hay không ông không biết.

Ông Trần Kim A sinh năm 1948 và chết năm 1972 không có vợ con.

Ông Trần Kim C, sinh năm 1955 – chết năm 2016.

Có vợ, con là: - Vợ: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956 và con: Trần Quang H, sinh năm 1983.

Ông Trần Kim T, sinh năm 1961, chết năm 1991 không có vợ con.

Từ năm 1976 đến nay gia đình ông hoàn toàn không có tin tức gì của chị L. Từ năm 1983 đến nay gia đình ông hoàn toàn không có tin tức gì của chị C và từ năm 1985 đến nay gia đình ông hoàn toàn không có tin tức gì của chị H. Do đó, ông H nộp đơn đến Tòa án nhân dân Quận 7 yêu cầu tuyên bố bà Trần Thị C, bà Trần Kim H và bà Trần Kim L là đã chết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Kim K, có bản tự khai trình bày cùng ý kiến đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị C, bà Trần Kim H và bà Trần Kim L là đã chết.

Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Quang H trình bày: Bà M và ông H không biết tin tức của bà C, bà H và bà L và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

**1. Về thủ tục tố tụng:**

Đây là yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 theo khoản 4 Điều 27 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Thẩm phán thụ lý việc dân sự đúng quy định tại Điều 365 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Những người tham gia tố tụng được triệu tập đầy đủ; thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu đúng quy định tại Điều 366 Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn mở phiên họp theo quy định tại Điều 392 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

**2. Về nội dung:**

Căn cứ theo khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, Điều 391, Điều 393 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc tuyên bố bà Trần Thị C là đã chết.  
Ngày chết: 05/11/1988.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc tuyên bố bà Trần Kim H là đã chết.  
Ngày chết: 01/07/1990.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc tuyên bố bà Trần Kim L là đã chết.  
Ngày chết: 16/9/1981.

Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của bà Trần Thị C, bà Trần Kim H và bà Trần Kim L được giải quyết theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Dân sự 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Căn cứ vào công văn số 3108/CAQ3-QLHC ngày 31/12/2020 của Công an Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Trần Văn T (chết năm 1989) và bà Nguyễn Thị B (chết năm 1994) có 08 (tám) người con chung là Trần Thị C, sinh năm 1944; Trần Kim H, sinh năm 1945; Trần Kim A, sinh năm 1948, Trần Kim L, sinh năm 1951, Trần Kim C, sinh năm 1955, Nguyễn Kim K, sinh năm 1957, Trần Kim T, sinh năm 1961; Nguyễn Văn H, sinh năm 1965. Gia đình ông H không nhận được tin tức gì của bà L từ năm 1976, bà C từ năm 1983 và bà H từ năm 1985 đến nay.

Do ông Nguyễn Văn H là em bà Trần Thị C, bà Trần Kim H và bà Trần Kim L nên ông H có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị C, bà Trần Kim H và bà Trần Kim L là đã chết theo quy định tại Điều 391 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án tuyên bố một người là đã chết đối với bà Trần Thị C, bà Trần Kim H và bà Trần Kim L, người yêu cầu ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại địa chỉ 359/11 T, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, việc dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 7 theo quy định tại Khoản 4 Điều 27; điểm a Khoản 2 Điều 35 và điểm a Khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy ông Nguyễn Văn H ông Nguyễn Kim K, bà Nguyễn Thị M, ông Trần Quang H vắng mặt tại phiên họp tuy nhiên các đương sự đã có bản trình bày ý kiến và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành mở phiên họp xét đơn yêu cầu vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào kết quả xác minh tại Công an Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà Trần Thị C, sinh năm 1944, HKTT 197/32 T, Phường 4, Quận 3 xuất cảnh sang Pháp tháng 11/1983; Trần Kim H, sinh năm 1945, HKTT 197/32 T, Phường 4, Quận 3 xuất cảnh sang Pháp tháng 6/1985; Trần Kim L, sinh năm 1951, HKTT 197/32 T, Phường 4, Quận

3 xuất cảnh sang theo chồng sang Tây Đức năm 26 tuổi (Theo bản khai đề 9/1976 của cha là ông Trần Văn T).

Căn cứ vào công văn số 3108/CAQ3-QLHC ngày 31/12/2020 của Công an Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung như sau:

Căn cứ tại tờ khai gia đình chủ hộ: Ông Trần Văn T cấp ngày 20/3/1976 số nhà: 197/146G Khóm 31, Liên Gia 63, phường Cư Xá Đô Thành, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Bà Trần Thị C (năm sinh 1944); bà Trần Kim H (năm sinh 1945); bà Trần Kim L (năm sinh 1951) có đăng thường trú tại địa chỉ trên.

Bà Trần Thị C (năm sinh 1944) đăng ký thường trú tại số nhà: 197/146G Khóm 31, Liên Gia 63, phường Cư Xá Đô Thành, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/10/1976; Xóa xuất cảnh Pháp ngày 04/11/1983 (căn cứ mẫu NK4 ngày 10/3/1983 công an Quận 3). Chứng minh nhân dân số: 02053296 Quận 3 cấp ngày 10/6/1969 (căn cứ tờ khai gia đình ngày 15/05/1974).

Bà Trần Kim H (năm sinh 15/9/1945) đăng ký thường trú tại số nhà: 197/146G Khóm 31, Liên Gia 63, phường Cư Xá Đô Thành, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/10/1976; Xóa xuất cảnh 06/1985 (căn cứ mẫu NK2-1976) và bản khai danh sách nhân khẩu ngày 15/9/1976 Quận 3. Chứng minh nhân dân số: 00862242 Quận 3 cấp ngày 02/5/1969 (căn cứ tờ khai gia đình ngày 15/05/1974).

Bà Trần Kim L (năm sinh 1951) hiện vắng mặt tháng 3/1970; Thoát ly theo chồng. Chứng minh nhân dân số: 00045537 Quận 3 ngày 13/01/1969 (căn cứ tờ khai gia đình ngày 15/05/1974).

Theo Công văn số 197/QLXNC-P5 ngày 19/01/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thì bà Trần Thị C, sinh năm 1944, CMND số 02053296, Trần Kim H, sinh năm 1945, CMND số 00862242 và Trần Kim L, sinh năm 1951, CMND số 00045537, thường trú tại 197/146G K, Liên Gia 63, phường Cư Xá Đô Thành, Thành phố Hồ Chí Minh không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh.

Căn cứ lời khai của ông H, ông K thì từ năm 1976 đến nay gia đình ông hoàn toàn không có tin tức gì của chị L, từ năm 1983 đến nay gia đình ông hoàn toàn không có tin tức gì của chị C và từ năm 1985 đến nay gia đình ông hoàn toàn không có tin tức gì của chị H.

Căn cứ lời khai của bà M, ông H thì bà M và ông H không biết tin tức của bà C, bà H và bà L và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo quy định tại điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 71 của Bộ Luật dân sự năm 2015 thì ngày chết của bà Trần Thị C được xác định sau 05 (năm) năm kể từ ngày có tin tức xác thực là còn sống (04/11/1983) và xác định ngày chết của bà Trần Thị C là ngày 05/11/1988.

Căn cứ theo quy định tại điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 71 của Bộ Luật dân sự năm 2015 thì ngày chết của bà Trần Kim Hoa được xác định sau 05 (năm) năm kể từ ngày có tin tức xác thực là còn sống (6/1985) và xác định ngày chết của bà Trần Kim H là ngày 01/7/1990.

Căn cứ theo quy định tại điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 71 của Bộ Luật dân sự năm 2015 thì ngày chết của bà Trần Kim Liên được xác định sau 05 (năm) năm kể từ ngày có tin tức xác thực là còn sống (15/9/1976) và xác định ngày chết của bà Trần Kim L là ngày 16/9/1981.

[5] Trong thời gian xét đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, Tòa án nhân dân Quận 7 đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết số 07/2020/QĐ-TNTK ngày 19 tháng 10 năm 2020 và đã đăng thông báo này lên báo Trung ương ba số liên tiếp (từ số 314, 315, 316 vào lần lượt các ngày 09, 10 và 11 tháng 11 năm 2020), Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và phát sóng trên Đài truyền hình Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (ngày 28, 29 và 30 tháng 10 năm 2020).

[6] Căn cứ vào kết quả sau 04 (bốn) tháng kể từ ngày phát thông báo lần đầu tiên trên báo Trung ương, Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và phát sóng trên Đài truyền hình Việt Nam mà vẫn không có bất kỳ thông tin xác thực nào thể hiện bà Trần Thị C, bà Trần Kim H và bà Trần Kim L còn sống.

[7] Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở để xác định bà Trần Thị C, sinh năm 1944 là một người đã chết theo quy định tại Điều 391, Điều 392 và Điều 393 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu của ông Nguyễn Văn H là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở để xác định bà Trần Kim H, sinh năm 1945 là một người đã chết theo quy định tại Điều 391, Điều 392 và Điều 393 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu của ông Nguyễn Văn H là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở để xác định bà Trần Kim L, sinh năm 1951 là một người đã chết theo quy định tại Điều 391, Điều 392 và Điều 393 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu của ông Nguyễn Văn H là có cơ sở để chấp nhận.

[8] Về lệ phí việc dân sự: Người yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải chịu theo quy định.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 4 Điều 27; điểm a Khoản 2 Điều 35 và điểm a Khoản 2 Điều 40; các điều 366, 367, 369, 370, 371, 372, 391, 392 và 393 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Phí, Lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBT VQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H:

- Tuyên bố bà Trần Thị C, sinh năm 1944 là đã chết.  
Ngày chết: 05/11/1988.
- Tuyên bố bà Trần Kim H, sinh năm 1945 là đã chết.  
Ngày chết: 01/07/1990.
- Tuyên bố bà Trần Kim L, sinh năm 1951 là đã chết.  
Ngày chết: 16/9/1981.

Về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của bà Trần Thị C, bà Trần Kim H và bà Trần Kim L được thực hiện theo Điều 72 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Văn H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí

mà ông Nguyễn Văn H nộp theo biên lai thu số AA/2019/0041593 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ lệ phí.

**3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:**

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS. (TK.Thom)

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

**Nguyễn Thị Diễm Phương**